|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Lĩnh vực kiến thức | Nhóm quy trình quản lý dự án | | | | |
| Nhóm quy trình truyền | Nhóm quy trình lập kế hoạch | Nhóm quy trình thực thi | Nhóm quá trình giám sát và kiểm soát | Nhóm quy trình đóng |
| 4. Quản lý tích hợp dự án | 4.1 xây dựng điều lệ dự án | 4.2 Xây dựng kế hoạch quản lý dự án | 4.3 Trực tiếp và quản lý công việc dự án | 4.4 Giám sát và kiểm soát công việc dự án  4.5 Thực hiện kiểm soát thay đổi tích hộp | 4.6 Đóng dự án hoặc giai đoạn |
| 5. Quản lý phạm vi dự án |  | 5.1 Quản lý phạm vi kế hoạch  5.2 Thu thập yêu cầu  5.3 Xác định phạm vi  5.4 Tạo WBS |  | 5.5 Phạm vi xác thực  5.6 Phạm vi kiểm soát |  |
| 6. Quản lý thời gian dự án |  | 6.1 Quản lý lịch biểu pian  6.2 Xác định các hoạt động  6.3 Các hoạt động theo trình tự  6.4 Ước tính các nguồn lực của hoạt động  6.5 Ước tính thời lượng hoạt động  6.6 Xây dựng lịch trình |  | 6.7 Lịch trình kiểm soát |  |
| 7.Quản lý chi phí dự án |  | 7.1 Quản lý chi phí theo kế hoạch  7.2 Ước tính chi phí  7.3 Xác định ngân sách |  | 7.4 Chi phí kiểm soát |  |
| 8.Quản lý chất lượng dự án |  | 8.1 Lập kế hoạch quản lý chất lượng | 8.2 Thực hiện đảm bảo chất lượng | 8.3 Chất lượng kiểm soát |  |
| 9.Quản lý nguồn nhân lực dự án |  | 9.1 Lập kế hoạch quản lý nguồn nhân lực | 9.2 Mua lại nhóm dự án  9.3 Phát triển nhóm dự án  9.4 Quản lý nhóm dự án |  |  |
| 10.quản lý truyền thông dự án |  | 10.1 Quản lý truyền thông kế hoạch | 10.2 Quản lý thông tin liên lạc | 10.3 Thông tin liên lạc kiểm soát |  |
| 11.quản lý Risk dự án |  | 11.1 Lập kế hoạch quản lý rủi ro  11.2 Xác định rủi ro  11.3 Thực hiện phân tích rủi ro định tính  11.4 Thực hiện phân tích rủi ro định lượng  11.5 Lập kế hoạch ứng phó rủi ro |  | 11.6 Rủi ro kiểm soát |  |
| 12.quản lý mua sắm dự án |  | 12.1 Kế hoạch quản lý mua sắm | 12.2 Tiến hành mua sắm | 12.3 Mua sắm kiểm soát | 12.4 Mua sắm Ciose |
| 13.quản lý các bên liên quan của dự án | 13.1 Xác định các bên liên quan | 13.2 Lập kế hoạch quản lý các bên liên quan | 13.3 quản lý sự tham gia của các bên liên quan | 13.4 Kiểm soát sự tham gia của các bên liên quan |  |

**Quản lý tích hợp**

Vai trò chính của người quản lý dự án là thực hiện quản lý tổng thể, đảm bảo giữ cân bằng giữa các quy trình trong những lĩnh vực khác của dự án như phạm vi, thời gian, chi phí, chất lượng, nguồn lực, giao tiếp, rủi ro, mua bán và nhu cầu của các bên liên quan. Bất cứ lúc nào dự án của bạn có sự thay đổi, bạn cần phải biết sự thay đổi đó có ảnh hưởng như thế nào với các mối ràng buộc khác.

**Quản lý phạm vi**

Quản lý phạm vi dự án bao gồm các quy trình để đảm bảo rằng dự án bao gồm và chỉ bao gồm tất cả các công việc cần thiết để hoàn thành mục tiêu của dự án và kết thúc thành công. Phạm vi dự án là cơ sở để người quản lý dự án và đội kiểm soát thay đổi có thể quyết định điều chỉnh các công việc của dự án.

**Quản lý thời gian**

Quản lý thời gian của dự án bao gồm các quy trình cần thực hiện để, xây dựng được một kế hoạch quản lý tiến độ dự án, cũng như cách thức để giám sát theo dõi, đánh giá sự sai lệch trong thực tế so với kế hoạch được phê duyệt để đưa ra những điều chỉnh phù hợp.

**Quản lý chất lượng**

Các dự án khác nhau sẽ có mức độ yêu cầu khác nhau. Quản lý chất lượng dự án là quá trình để đảm bảo dự án sẽ đáp ứng tất cả các yêu cầu đã đặt ra. Quản lý chất lượng bao gồm cả đảm bảo chất lượng (lập kế hoạch để đáp ứng yêu cầu chất lượng) và kiểm soát chất lượng (các bước được thực hiện để theo dõi kết quả xem chúng có phù hợp với các yêu cầu không

**Quản lý nguồn nhân lực**

Trong quản lý nguồn nhân lực dự án, người quản lý dự án sử dụng những khả năng lãnh đạo, chỉ đạo, và sắp xếp công việc cho nhóm dự án, giao tiếp với khách hàng, đối tác dự án, người đóng góp, và các bên liên quan khác để đạt được kết quả mong muốn cho dự án.

**Quản lý giao tiếp**

Kỹ năng quan trọng nhất của một người quản lý dự án là kỹ năng giao tiếp. Quản lý dự án dành khoảng 80%-90% thời gian của họ cho việc giao tiếp như giao tiếp với đội dự án, tổ chức và tham gia các cuộc họp, các cuộc gọi điện thoại, e-mail, báo cáo, thuyết trình…

**Quản lý rủi ro**

Quản lý rủi ro là quá trình người quản lý dự án và nhóm dự án xác định các rủi ro của dự án, phân tích, xếp hạng rủi ro đồng thời xác định những việc cần thực hiện để ngăn chặn những mối đe dọa này.

**Quản lý cung ứng, thu mua**

Quá trình thực hiện dự án có thể đòi hỏi phải mua sắm vật liệu, thiết bị, tư vấn, đào tạo, và nhiều hàng hoá, dịch vụ khác. Quản lý dự án mua sắm là quá trình mua các sản phẩm cần thiết để đáp ứng các nhu cầu trong phạm vi dự án. Quản lý mua sắm liên quan đến việc lập kế hoạch, mời các nhà cung cấp, lựa chọn một hoặc nhiều ngà cung cấp phù hợp quản lý hợp đồng và kết thúc hợp đồng.

**Quản lý các bên liên quan**

Bao gồm các quy trình cần thiết để xác định những người, nhóm, hoặc tổ chức mà có thể ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi dự án, phân tích kỳ vọng của các bên liên quan và các tác động của họ đối với dự án, và để phát triển các chiến lược quản lý thích hợp đối với sự tham gia của các bên liên quan để đạt hiệu quả cao trong việc thực hiện và ra các quyết định của dự án. Quản lý các bên liên quan cũng tập trung vào truyền thông liên tục với các bên liên quan để hiểu nhu cầu và kỳ vọng của họ, giải quyết các vấn đề khi chúng xuất hiện, quản lý xung đột lợi ích và thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan một cách thích hợp trong các hoạt động và quyết định của dự án. Sự hài lòng của các bên liên quan được quản lý như một mục tiêu chính của dự án